

PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SODIUM METABISULFITE

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7681-57-4 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất:	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Sodium Metabisulfite	
Tên khác (không là tên khoa học): Disulfium disodi; Pyrosulfite disodium; Natri Pyrosulfite; Natri Metabisulphite	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng:	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Metabisulfite	7681-57-4	Na ₂ S ₂ O ₅	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích ứng), nuốt phải, hít. Nguy hiểm nhẹ trong trường hợp tiếp xúc với da (chất thẩm thấu), Mắt tiếp xúc (gây kích ứng)

- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt:

- Đường thở:

- Đường da:

- Đường tiêu hóa:

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính áp tròng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Nước lạnh có thể được sử dụng. Nhận sự chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức dội da với nhiều nước. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Hủy bỏ quần áo và giày dép bị ô nhiễm. Nước lạnh có thể được sử dụng. Nên giặt sạch quần áo, giày trước khi sử dụng lại. Chăm sóc y tế.

Nghiêm trọng: Rửa bằng xà phòng khử trùng và che da bị nhiễm trùng bằng kem chống khuẩn. Tìm kiếm y tế ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, di chuyển đến không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nhận sự chăm sóc y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

KHÔNG gây nôn trừ khi được chỉ dẫn bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ điều gì bằng miệng đến bất tỉnh người. Nếu nuốt phải một lượng lớn vật liệu này, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Nói lỏng quần áo chặt chẽ như cổ áo, thắt lưng hoặc dây đai.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): sản phẩm không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không áp dụng

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): không áp dụng

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: không áp dụng

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: không áp dụng

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Khi nung nóng để phân hủy nó phát ra khói độc SO_x, Na₂O. Phân hủy khi gia nhiệt để tạo thành natri sulfat.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng các dụng cụ thích hợp để đổ chất lỏng tràn vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch bằng nước bề mặt bị ô nhiễm và vứt bỏ theo yêu cầu của chính quyền địa phương và khu vực.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng xẻng để đưa vật liệu vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch hoàn toàn bằng cách rải nước vào bề mặt bị ô nhiễm và cho phép sơ tán qua hệ thống vệ sinh. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm không có mặt tại nồng độ trên TLV. Kiểm tra TLV trên MSDS và với chính quyền địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Giữ chặt chẽ. Đùng nuốt. Không hít bụi. Tránh tiếp xúc với da. Mang quần áo bảo hộ phù hợp. Trong trường hợp thông gió không đủ, đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và Container hoặc nhãn. Giữ xa các chất không tương thích như các chất oxy hoá, axit.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ bình chứa kín. Giữ bình chứa trong khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Độ ẩm nhạy cảm. Không nhạy cảm.



VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Sử dụng thùng quy trình, thông gió thải cục bộ hoặc các công cụ kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí dưới mức khuyến cáo giới hạn phơi nhiễm. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra bụi, khói hoặc sương, sử dụng thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí Dưới giới hạn phơi nhiễm.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Kính an toàn. Phòng thí nghiệm. Mặt nạ phòng bụi. Hãy chắc chắn sử dụng khẩu trang đã được phê duyệt / chứng nhận hoặc tương đương, găng tay

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

Kính lắp lách. Đầy phù hợp. Mặt nạ phòng bụi. Giày ống. Găng tay. Cần phải sử dụng bộ máy thở tự chứa để tránh hít phải sản phẩm. Quần áo bảo hộ đề nghị có thể không đủ. Tham khảo ý kiến của một chuyên gia trước khi xử lý này sản phẩm.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: trắng đến vàng	Điểm nóng chảy (°C): 150°C
Mùi đặc trưng: mùi của sunfur dioxide	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn :	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ hòa tan trong nước: dễ dàng hòa tan trong nước lạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ PH : 4.3	Tỷ lệ hóa hơi: không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): không có thông tin	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Vật liệu không tương thích, nhiệt, độ ẩm, không khí, bụi phát sinh
- Không ăn mòn khi có mặt kính
- Nó dần dần oxy hóa thành sodium sulfat khi tiếp xúc với không khí và độ ẩm
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường	Sinh vật thử
----------------	-------------	---------	-------	--------------

			tiếp xúc	
Sodium Metabisulfite	LD50	1130 mg/kg	Hô hấp	Chuột, thỏ...
		> 1000 mg/kg	Da	



1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Có thể gây tổn hại cho các cơ quan sau: đường hô hấp trên, da, mắt.

2. Các ảnh hưởng độc khác

Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích ứng), nuốt phải, hít. Nguy hiểm nhẹ trong trường hợp tiếp xúc với da (chất thấm).

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật: Không có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: các sản phẩm suy thoái ngắn hạn nguy hiểm có thể xảy ra.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: ít độc hơn bản thân sản phẩm

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Chất thải phải được xử lý theo các quy định kiểm soát môi trường của liên bang, tiểu bang và địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số						

29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 30-10-2015

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15-01-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

TM CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN



Lê Hoàng Mi Sa